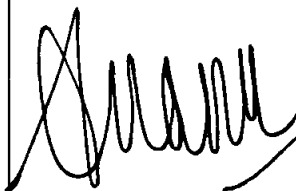




ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
SỞ DU LỊCH

QUY TRÌNH

**CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ
LỮ HÀNH NỘI ĐỊA**

QT.QLDL.14

	<i>Người soạn thảo</i>	<i>Người xem xét</i>	<i>Người phê duyệt</i>
<i>Họ và tên</i>	Trần Xuân Quang	Hà Minh Tuấn	Hồ An Phong
<i>Chữ ký</i>			
<i>Chức vụ</i>	Chánh Văn phòng	Trưởng phòng QLDL	Giám đốc

Quảng Bình, tháng 6 năm 2018

SỞ DU LỊCH QUẢNG BÌNH	QUY TRÌNH	QT.QLDL.14
	CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ LỮ HÀNH NỘI ĐỊA	

THEO DÕI TÌNH TRẠNG SỬA ĐỔI			
Ngày tháng	Trang/Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung thay đổi	Lần ban hành/sửa đổi

PHÂN PHỐI TÀI LIỆU			
1. Giám đốc	<input checked="" type="checkbox"/>	2. Các Phó Giám đốc	<input checked="" type="checkbox"/>
3. Đại diện lãnh đạo chất lượng	<input checked="" type="checkbox"/>	4. Văn phòng Sở	<input checked="" type="checkbox"/>
5. Phòng kế hoạch phát triển DL	<input type="checkbox"/>	6. Phòng Quản lý Du lịch	<input checked="" type="checkbox"/>
7. Thanh tra Sở	<input type="checkbox"/>	8. Trung tâm Thông tin XTDL	<input type="checkbox"/>
9. Thư ký ISO (bản gốc)	<input checked="" type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>

QUY TRÌNH

CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ LỮ HÀNH NỘI ĐỊA

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 104 /QĐ-SDL ngày 17 tháng 6 năm 2018
của Giám đốc Sở Du lịch Quảng Bình)*

I. MỤC ĐÍCH

Quy định trách nhiệm, trình tự, nội dung thực hiện giải quyết các hồ sơ về cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa của Sở Du lịch tỉnh Quảng Bình.

II. PHẠM VI ÁP DỤNG

Quy trình này quy định thống nhất trách nhiệm, trình tự, nội dung thực hiện giải quyết các hồ sơ về cấp giấy kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa của Sở Du lịch tỉnh Quảng Bình. Quy trình cấp bao gồm:

- a. Nộp hồ sơ yêu cầu cấp Giấy phép;
- b. Tiếp nhận hồ sơ;
- c. Xử lý hồ sơ;
- d. Thẩm định hồ sơ;
- e. Trả kết quả;
- f. Lưu hồ sơ.

III. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam. Có hiệu lực từ ngày 14 tháng 5 năm 2018.

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015;

IV. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT

1. Định nghĩa:

- **Phòng/Ban chuyên môn:** phòng, ban chuyên môn trực thuộc các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm giải quyết thủ tục hành chính theo lĩnh vực được phân công

- **TTHC:** thủ tục hành chính.

2. Từ viết tắt:

- QL DL : Quản lý Du lịch.
- CVPT : Chuyên viên phụ trách.
- LDPPT : Lãnh đạo phòng phụ trách.
- DN DL : Doanh nghiệp du lịch.
- VPĐD : Văn phòng đại diện.
- NĐ 168 : Nghị định 168
- TT 06 : Thông tư 06
- TT 33 : Thông tư 33

V. NỘI DUNG QUY TRÌNH

V.1. Quy trình cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa:

Người thực hiện	Trình tự công việc	Mẫu biểu, tài liệu liên quan
<p>Tổ chức</p>	<p>Nộp hồ sơ giải quyết TTHC</p>	<p>QT.QLDL.14.B01</p>
<p>Phòng QL DL</p>	<p>Tiếp nhận hồ sơ và gửi phiếu hẹn trả cho tổ chức</p>	
<p>Chuyên viên phụ trách</p>	<p>Thẩm tra, xác minh, dự thảo kết quả giải quyết</p>	
<p>Lãnh đạo phòng phụ trách</p>	<p>Không đồng ý</p> <p>Soát xét</p> <p>Không duyệt</p>	
<p>Lãnh đạo Sở hoặc người được ủy quyền</p>	<p>Ký phê duyệt</p> <p>Đạt</p>	<p>QT.QLDL.14.B02 QT.QLDL.14.B03</p>
<p>Văn thư</p>	<p>Đóng dấu, chuyển kết quả cho phòng Quản lý du lịch</p>	
<p>Phòng Quản lý Du lịch</p>	<p>Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức và lưu hồ sơ</p>	

V.2. Thông tin thủ tục hành chính:

TT	Nội dung		
1.	<p>Điều kiện thực hiện TTHC:</p> <p>(1) Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;</p> <p>(2) Ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa tại ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập và hoạt động tại Việt Nam: 100.000.000 (một trăm triệu) đồng;</p> <p>(3) Người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành phải tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành về lữ hành; trường hợp tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ nghiệp vụ điều hành du lịch nội địa.</p> <p>- Người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành là người giữ một trong các chức danh sau: chủ tịch hội đồng quản trị; chủ tịch hội đồng thành viên; chủ tịch công ty; chủ doanh nghiệp tư nhân; tổng giám đốc; giám đốc hoặc phó giám đốc; trưởng bộ phận kinh doanh dịch vụ lữ hành.</p> <p>- Chuyên ngành về lữ hành bao gồm một trong các chuyên ngành sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; + Quản trị lữ hành; + Điều hành tour du lịch; + Marketing du lịch; + Du lịch; + Du lịch lữ hành; + Quản lý và kinh doanh du lịch. 		
2.	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	(1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017);	x	
	(2) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;		x
	(3) Giấy chứng nhận ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành		x
	(4) Bản sao có chứng thực quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động giữa doanh nghiệp kinh		x

	doanh dịch vụ lữ hành với người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành;		
	(5) Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành về lữ hành của người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành; hoặc bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải và bản sao có chứng thực chứng chỉ nghiệp vụ điều hành du lịch nội địa. Văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.		X
3.	Số lượng hồ sơ: 01 bộ		
4.	Thời gian xử lý: 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.		
5.	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Phòng Quản lý Du lịch, sở DL		
6.	Lệ phí: 3.000.000 đồng/giấy phép		

V.3. Diễn giải quy trình:

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Biểu mẫu/ Kết quả
1	Tổ chức nộp hồ sơ giải quyết TTHC	Tổ chức	QT.QLDL.14. B01
2	Phòng Quản lý DL tiếp nhận hồ sơ và gửi phiếu hẹn trả cho tổ chức.	Phòng quản lý du lịch	
3	Phòng QL DL kiểm tra tính pháp lý	Chuyên viên phụ trách	

4	<p>Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ và ý kiến đề nghị của cán bộ thẩm định để kết luận và trình lãnh đạo Sở xử lý:</p> <p>+ Nếu hồ sơ phù hợp sẽ chỉ đạo CVPT tham mưu Quyết định trình lãnh đạo sở xem xét, ký quyết định.</p> <p>+ Nếu hồ sơ không phù hợp sẽ từ chối cấp giấy phép, chuyên CVPT lập Phiếu hướng dẫn và trả lời cho tổ chức.</p>	Lãnh đạo phòng phụ trách	QT.QLDL.14.B02
5	<p>Lãnh đạo Sở xem xét hồ sơ và ý kiến đề xuất của lãnh đạo Phòng để quyết định:</p> <p>+ Nếu hồ sơ phù hợp sẽ ký quyết định và chuyển về văn thư (nhân bản, đóng dấu, vào sổ, lưu hồ sơ) và chuyển sang phòng QL DL</p> <p>+ Nếu hồ sơ không phù hợp sẽ chuyển về phòng chuyên môn, CVPT lập Phiếu hướng dẫn và trả lời cho tổ chức.</p>	Lãnh đạo Sở hoặc người được ủy quyền	QT.QLDL.14.B03
6	Sau khi nhận kết quả từ lãnh đạo Sở, CVPT gửi xuống văn thư vào sổ, nhân bản, đóng dấu, lưu hồ sơ	Văn thư	
7	Sau khi nhận kết quả từ văn thư, phòng QL DL tiến hành trả kết quả cho tổ chức và gửi đến các cơ quan có liên quan.	Phòng quản lý du lịch	
8	Toàn bộ hồ sơ sau quá trình thực hiện được cán bộ thẩm định tập hợp và đưa vào lưu trữ theo đúng quy định.	Phòng QL DL	QT.QLDL.14.B04

VI. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1.	QT.QLDL.14.B01	Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh DV lữ hành nội địa
2.	QT.QLDL.14.B02	Quyết định cấp giấy phép
3.	QT.QLDL.14.B03	Mẫu giấy phép
4.	QT.QLDL.14.B04	Danh sách các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa

VII. LƯU TRỮ

TT	PL	Tên hồ sơ/ phụ lục (PL)	Mã số	Thời gian lưu trữ	Bộ phận lưu trữ
1.		Bản sao các giấy tờ liên quan		Dài hạn	Phòng QLDD
2.		Quyết định	QT.QLDD.14.B02	5 năm	Phòng QLDD, VP
3.		Giấy phép	QT.QLDD.14.B03	Dài hạn	Phòng QLDD
4.		Danh sách doanh nghiệp được cấp giấy phép	QT.QLDD.14.B04	Dài hạn	Phòng QLDD

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... .., ngàytháng... ..năm... ..

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ LỮ HÀNH(1).....

Kính gửi:(2).....

1. Tên doanh nghiệp (*chữ in hoa*):

Tên giao dịch:.....

Tên viết tắt:.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại:.....- Fax:.....

Website:.....- Email:.....

3. Họ tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:.....

..... Giới tính:.....

Chức danh:.....

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Giấy Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân /Hộ chiếu số:.....

cấp ngày:/...../..... Nơi cấp:

Email:.....Điện thoại:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:.....

4. Tên, địa chỉ chi nhánh (*nếu có*):.....

5. Tên, địa chỉ văn phòng đại diện (*nếu có*):.....

.....

6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số

.....cấp ngày...../...../..... Nơi cấp:

7. Tài khoản ký quỹ sốtại ngân hàng.....

Căn cứ vào các quy định hiện hành, kính đề nghị(2)..... cấp
giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành(1)..... cho doanh nghiệp.

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

(1) Quốc tế hoặc nội địa;

(2) Tổng cục Du lịch (trong trường hợp đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế); Sở Du lịch hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh/thành phố... (trong trường hợp đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa).

Số: /QĐ-SDL

Quảng Bình, ngày tháng năm 20...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa

GIÁM ĐỐC SỞ DU LỊCH

Căn cứ

Căn cứ

Xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa của.....;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Du lịch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa cho.....;

Điều 2. Doanh nghiệp sử dụng Giấy phép theo quy định của pháp luật.

Điều

...../.

Nơi nhận:

- Như Điều.....;

-

- Lưu:

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
(Chữ ký, dấu)

1. Trang bìa:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN.....
SỞ DU LỊCH/SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH.....



GIẤY PHÉP
KINH DOANH DỊCH VỤ LỮ HÀNH NỘI ĐỊA

2. Trang nội dung thứ nhất:

UBND TỈNH/TP.....
SỞ DU LỊCH/SỞ VĂN
HÓA, THỂ THAO VÀ DU
LỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY PHÉP
KINH DOANH DỊCH VỤ LỮ HÀNH NỘI ĐỊA**

Số GP:(1)..../(.....(2)...../.....(3) - GP LHND
(Cấp lần...(4)....)

1. Tên doanh nghiệp:

Tên giao dịch:

Tên viết tắt:

2. Trụ sở chính:

Điện thoại:.....Fax:.....

Email:.....Website:.....

3. Tài khoản ký quỹ số:

Tại Ngân hàng:

4. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Chức danh:.....

Họ và tên:..... Nam/Nữ.....

Sinh ngày.../.../.... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Giấy Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu số.....

Ngày cấp:.../.../..... Nơi cấp:.....

....., ngày...tháng..... năm

GIÁM ĐỐC

Ghi chú:

(1): Số Giấy phép gồm mã số tỉnh và mã số thứ tự của doanh nghiệp, cách nhau bởi dấu "-", trong đó:

- Mã số tỉnh gồm 02 ký tự theo quy định của Tổng cục Thống kê;
- Số thứ tự của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa gồm 04 ký tự, từ 0001 đến 9999.

(2): Năm cấp Giấy phép lần đầu.

(3): Viết tắt của Sở Du lịch (SDL) hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (SVHTTDL).

(4): Số thứ tự của lần cấp đổi và cấp lại. Ví dụ: cấp lần thứ 2 (trước đó đã đổi hoặc cấp lại một lần và lần này tiếp tục xin cấp đổi hoặc xin cấp lại).

2. Trang nội dung thứ hai

Doanh nghiệp cần biết

I. Quy định sử dụng Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (KD DVLHND)

1. Xuất trình giấy phép KD DVLHND khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu;
2. Nghiêm cấm sửa chữa, tẩy xóa nội dung giấy phép KD DVLHND;
3. Nghiêm cấm cho thuê, cho mượn giấy phép KD DVLHND;
4. Khi mất giấy phép KD DVLHND phải khai báo với cơ quan công an, cơ quan cấp giấy phép và làm thủ tục cấp lại giấy phép theo quy định.

II. Các trường hợp thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành (trích Khoản 1 Điều 36 Luật Du lịch)

1. Doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành, giải thể hoặc phá sản;
2. Doanh nghiệp không đáp ứng một trong các điều kiện kinh doanh dịch vụ lữ hành quy định tại Khoản 1 hoặc Khoản 2 Điều 31 Luật Du lịch;
3. Doanh nghiệp không đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành theo quy định tại Khoản 1 Điều 35 Luật Du lịch;
4. Doanh nghiệp làm phương hại đến chủ quyền, lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh;
5. Doanh nghiệp lợi dụng hoạt động du lịch để đưa người từ Việt Nam ra nước ngoài hoặc từ nước ngoài vào Việt Nam trái pháp luật;
6. Doanh nghiệp cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành của doanh nghiệp để hoạt động kinh doanh;
7. Doanh nghiệp không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quy định tại điểm i Khoản 1 Điều 37 Luật Du lịch, gây thiệt hại nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của khách du lịch;
8. Doanh nghiệp giả mạo hồ sơ đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành.

III. Các quy định của Nhà nước về kinh doanh dịch vụ lữ hành

Các quy định của pháp luật trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ lữ hành được đăng tải tại trang web: vietnamtourism.gov.vn; quanlyluhanh.vn

**DANH SÁCH DOANH NGHIỆP KINH DOANH
DỊCH VỤ LỮ HÀNH NỘI ĐỊA**

STT	Tên doanh nghiệp kinh doanh DV LHND	Số giấy phép	Số quyết định	Nội dung	Đăng ký kinh doanh	Thời hạn hiệu lực	Trụ sở chính	Người đứng đầu VPĐD	Điện thoại